

BIÊN BẢN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHO SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT THÁNG 07 NĂM 2026

Hôm nay, ngày 15 tháng 07 năm 2026 chúng tôi gồm có:

I. Thành phần hội đồng:

1. PGS.TS. Phan Hồng Hải
2. ThS. Trần Thị Huế Chi
3. TS. Nguyễn Trường Sa

Hiệu trưởng
Phó Trường phòng Đào tạo
Trường khoa/viện: Ngoại ngữ

Chủ tịch hội đồng
Ủy viên hội đồng
Ủy viên hội đồng

II. Kết quả xét công nhận tốt nghiệp:

STT	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Lớp sinh viên	Tổng số SV được xét và công nhận tốt nghiệp	Ghi chú
1	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 13A	1	
2	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 13D	1	
3	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 13E	1	
4	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14A	1	
5	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14C	2	
6	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14D	1	
7	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14G	1	
8	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 14H	1	
9	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15C - 7220201	2	
10	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15E - 7220201	2	
11	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 15H - 7220201	2	
12	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16A - 7220201	3	
13	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16B - 7220201	2	
14	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16C - 7220201	7	
15	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16D - 7220201	3	
16	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16E - 7220201	7	
17	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16F - 7220201	1	
18	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16G - 7220201	4	
19	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16H - 7220201	2	
20	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16I - 7220201	2	
21	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16K - 7220201	5	
22	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16L - 7220201	4	
23	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16M - 7220201	2	
24	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 16N - 7220201	3	
25	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17A - 7220201	7	
26	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17B - 7220201	10	
27	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17C - 7220201	4	
28	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17D - 7220201	11	
29	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17E - 7220201	2	
30	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17F - 7220201	4	
31	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17G - 7220201	5	
32	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 17H - 7220201	3	
33	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18A - 7220201	1	
34	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18B - 7220201	1	
35	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18C - 7220201	1	
36	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18E - 7220201	2	
37	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 18G - 7220201	1	

STT	Hệ đào tạo	Ngành đào tạo	Lớp sinh viên	Tổng số SV được xét và công nhận tốt nghiệp	Ghi chú
38	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh Văn 181 - 7220201	1	
39	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học Anh văn 20A liên thông VLVH	1	
	Tổng cộng:			114	

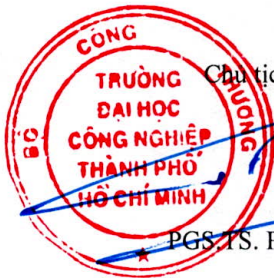
Kết quả xét công nhận tốt nghiệp như sau:

- Tổng số sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp:

114

Trong đó: **Bậc Đại học là 114 sinh viên.**

Cuộc họp kết thúc lúc 09 giờ 30 cùng ngày. Biên bản được đọc lại cho mọi người cùng nghe và ký tên.



Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. Phan Hồng Hải

Phòng Đào tạo

ThS. Trần Thị Huế Chi

TP.HCM, ngày 15 tháng 07 năm 2026

Trưởng đơn vị

TS. Nguyễn Trường Sa



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Xét tốt nghiệp tháng 07.2026

(Kèm theo quyết định số : 2126/QĐ-ĐHCN, ngày 15 tháng 07 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
	Khoa Ngoại ngữ											
1	17036721	Nguyễn Tùng	Dương	11/06/1999	Tỉnh Gia Lai	Nam	DHAV13A	129	6.80	2.58	Khá	
2	17069831	Vũ Thảo	My	19/10/1999	Tỉnh Kiên Giang	Nữ	DHAV13D	129	7.30	2.97	Khá	
3	17040821	Hoàng Thu	Phương	06/10/1999	Tỉnh Quảng Bình	Nữ	DHAV13E	129	6.60	2.42	Trung bình	
4	18019291	Trần Thị Bích	Tiên	09/09/2000	Tỉnh Tiền Giang	Nữ	DHAV14A	126	6.40	2.39	Trung bình	
5	18047631	Nguyễn Minh	Hoàng	27/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV14C	126	6.80	2.53	Khá	
6	18040991	Lê Nguyễn Ngọc	Linh	24/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV14C	126	6.80	2.61	Khá	
7	18063941	Lê Thị Ngọc	Trúc	24/04/2000	Tỉnh An Giang	Nữ	DHAV14D	126	6.90	2.67	Khá	
8	18076241	Bùi Thị Hằng	Hạnh	11/01/2000	Tỉnh Đồng Nai	Nữ	DHAV14G	126	7.20	2.89	Khá	
9	18086541	Trần Bảo	Trân	18/10/2000	Tỉnh Tiền Giang	Nữ	DHAV14H	126	6.70	2.58	Khá	
10	19517611	Nguyễn Quang	Nhất	29/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV15C	126	7.80	3.18	Khá	
11	19473581	Nguyễn Trí	Tín	31/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV15C	126	6.30	2.27	Trung bình	
12	19488791	Phạm Nhựt	Nam	20/01/2001	Tỉnh An Giang	Nam	DHAV15E	126	6.50	2.44	Trung bình	
13	19491271	H' Nion -	Niê	12/03/2001	Tỉnh Đắk Lắk	Nữ	DHAV15E	126	6.30	2.33	Trung bình	
14	19513841	Trần Thị Ai	Len	20/04/2001	Tỉnh Bến Tre	Nữ	DHAV15H	126	6.50	2.47	Trung bình	
15	19509561	Lê Ngọc	Thiện	21/08/2001	Tỉnh Tây Ninh	Nữ	DHAV15H	126	7.10	2.78	Khá	
16	20009911	Nguyễn Thị Thùy	Linh	22/06/2002	Cà Mau	Nữ	DHAV16A	127	7.10	2.84	Khá	
17	20001521	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	01/11/2000	Tây Ninh	Nữ	DHAV16A	127	6.40	2.33	Trung bình	
18	20008481	Đặng Thị Thảo	Vy	08/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16A	127	6.00	2.15	Trung bình	
19	20015071	Lê Võ Thu	Quyên	02/02/2002	Đồng Tháp	Nữ	DHAV16B	127	6.20	2.22	Trung bình	
20	20015921	Võ Thị Thủy	Tiên	09/06/2002	Lâm Đồng	Nữ	DHAV16B	127	6.50	2.47	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
21	20021431	Phan Thuỳ Linh	Đa	26/06/2002	Vĩnh Long	Nữ	DHAV16C	127	6.60	2.53	Khá	
22	20020751	Đặng Thị Tường	Duy	19/12/2002	An Giang	Nữ	DHAV16C	127	6.70	2.62	Khá	
23	20121021	Nguyễn Thị Yên	Hạ	01/04/2002	An Giang	Nữ	DHAV16C	127	6.80	2.67	Khá	
24	20119651	Lê Thị Huỳnh	Hoa	25/10/2002	Vĩnh Long	Nữ	DHAV16C	127	6.90	2.73	Khá	
25	20021921	Trần Thị Thanh	Nhã	08/07/2002	Gia Lai	Nữ	DHAV16C	127	6.30	2.33	Trung bình	
26	20022961	Đặng Ngọc	Thường	10/09/2002	Đắk Lắk	Nam	DHAV16C	127	6.70	2.52	Khá	
27	20025911	Đỗ Đan	Thùy	22/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16C	127	6.70	2.58	Khá	
28	20031081	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	27/09/2002	Lâm Đồng	Nữ	DHAV16D	127	6.20	2.24	Trung bình	
29	20026731	Hà Hoàng Yên	Nhi	06/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16D	127	7.60	3.10	Khá	
30	20114031	Nguyễn Khắc	Qui	26/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16D	127	6.70	2.56	Khá	
31	20034351	Dương Quốc	Bảo	22/02/2002	An Giang	Nam	DHAV16E	127	7.70	3.13	Khá	
32	20035071	Nguyễn Thị Thùy	Diễm	26/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16E	127	6.60	2.56	Khá	
33	20034901	Lương Gia	Hân	19/06/2002	Đồng Nai	Nữ	DHAV16E	127	6.80	2.64	Khá	
34	20040821	Nguyễn Quách Thảo	Hiền	31/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16E	127	7.20	2.88	Khá	
35	20038821	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	12/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16E	127	8.00	3.32	Giỏi	
36	20039171	Chung Khải	Lập	20/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16E	127	6.20	2.24	Trung bình	
37	20035931	Nguyễn Đức	Tân	01/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16E	127	6.80	2.63	Khá	
38	20044611	Dương Gia	Hân	09/12/2002	Tây Ninh	Nữ	DHAV16F	127	7.20	2.87	Khá	
39	20055801	Bùi Ngọc Kim	Anh	22/03/2002	Đồng Nai	Nữ	DHAV16G	127	6.60	2.50	Khá	
40	20060801	Nguyễn Văn	Mạnh	03/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16G	127	6.90	2.72	Khá	
41	20058931	Trần Hoàng Bích	Sinh	29/09/2002	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Nữ	DHAV16G	127	6.40	2.38	Trung bình	
42	20057711	Ngô Gia	Trọng	03/10/2002	An Giang	Nam	DHAV16G	127	6.90	2.71	Khá	
43	20062971	Trần Huỳnh Trúc	Linh	15/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16H	127	6.00	2.12	Trung bình	
44	20120491	Trương Uyên	Phương	24/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16H	127	6.50	2.43	Trung bình	
45	20073171	Huỳnh Trọng	Phúc	29/10/2002	Lâm Đồng	Nam	DHAV16I	127	6.80	2.59	Khá	
46	20073591	Nguyễn Song Minh	Thư	14/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16I	127	7.40	2.98	Khá	
47	20083051	Hoàng Trung	Hiếu	21/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16K	127	7.60	3.10	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
48	20083981	Nguyễn Hải	Nam	11/08/2002	Đồng Tháp	Nam	DHAV16K	127	7.20	2.90	Khá	
49	20081121	Nguyễn Thị Nguyệt	Nhi	18/09/2002	Vĩnh Long	Nữ	DHAV16K	127	6.50	2.46	Trung bình	
50	20086451	Văn Hồng	Ny	15/03/2002	Đắk Lắk	Nữ	DHAV16K	127	6.70	2.55	Khá	
51	20083761	Nghiêm Xuân	Thắng	07/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV16K	127	6.40	2.37	Trung bình	
52	20092671	Nguyễn Duy	Chương	22/10/2001	Đồng Tháp	Nam	DHAV16L	127	6.80	2.62	Khá	
53	20090961	Ngô Thị Trúc	Mai	26/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16L	127	6.90	2.72	Khá	
54	20090421	Vũ Thị Minh	Phương	18/11/2002	Gia Lai	Nữ	DHAV16L	127	6.60	2.52	Khá	
55	20088341	Nguyễn Mai	Trinh	21/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV16L	127	6.80	2.61	Khá	
56	20103371	Lê Nguyễn Bảo	Khôi	26/10/2002	Đắk Lắk	Nam	DHAV16M	127	7.10	2.87	Khá	
57	20103731	Trần Phú	Lộc	02/10/2002	Gia Lai	Nam	DHAV16M	127	6.30	2.30	Trung bình	
58	20108281	Trương Hoàng	Giang	29/07/2002	An Giang	Nam	DHAV16N	127	7.80	3.19	Khá	
59	20106551	Đào Thị	Hương	17/10/2002	Đắk Lắk	Nữ	DHAV16N	127	7.40	2.99	Khá	
60	20110461	Nguyễn Ngọc	Ly	13/06/2002	Quảng Ngãi	Nữ	DHAV16N	127	6.50	2.46	Trung bình	
61	21137881	Nguyễn Hồng	Danh	24/10/2003	Đồng Nai	Nam	DHAV17A	127	6.90	2.71	Khá	
62	21012521	Lê Hồng	Diệp	02/01/2003	Vĩnh Long	Nữ	DHAV17A	127	7.10	2.82	Khá	
63	21136741	Nguyễn Thị Thu	Đình	31/08/2003	Cà Mau	Nữ	DHAV17A	127	7.40	2.97	Khá	
64	21005421	Trần Thị Thu	Huyền	07/05/2003	Đồng Nai	Nữ	DHAV17A	127	6.50	2.49	Trung bình	
65	21009551	Trần Hải	My	24/10/2003	Đồng Nai	Nữ	DHAV17A	127	6.50	2.46	Trung bình	
66	21017771	Phạm Nguyễn Thảo	Ngân	31/08/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17A	127	7.30	2.91	Khá	
67	21013681	Lư Ánh	Ngọc	11/07/2003	Tây Ninh	Nữ	DHAV17A	127	6.30	2.27	Trung bình	
68	21020451	Nguyễn Hùng Yển	Anh	10/04/2002	Gia Lai	Nữ	DHAV17B	127	7.00	2.73	Khá	
69	21026931	Nguyễn Minh	Chiến	01/04/2003	Quảng Trị	Nam	DHAV17B	127	7.80	3.21	Giỏi	
70	21020801	Lê Nguyễn Tiến	Dũng	18/12/2003	Khánh Hòa	Nam	DHAV17B	127	8.10	3.37	Giỏi	
71	21135921	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/01/2003	Nghệ An	Nữ	DHAV17B	127	7.30	2.91	Khá	
72	21040851	Trần Thị Thu	Hường	19/10/2003	Thanh Hóa	Nữ	DHAV17B	127	6.90	2.70	Khá	
73	21023581	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	18/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17B	127	6.70	2.58	Khá	
74	21038531	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	28/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	DHAV17B	127	6.80	2.60	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K_10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
75	21023941	Huỳnh Công	Quyền	01/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV17B	127	7.30	2.92	Khá	
76	21039821	Phan Thị Minh	Thư	16/01/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17B	127	7.10	2.81	Khá	
77	21028871	Lê Diễm	Trân	28/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17B	127	6.50	2.42	Trung bình	
78	21138631	Nguyễn Đăng	Khôi	10/01/2003	Đắk Lắk	Nam	DHAV17C	127	7.80	3.26	Giỏi	
79	21139311	Đinh Trần Khánh	Linh	12/02/2003	Lâm Đồng	Nữ	DHAV17C	127	6.70	2.59	Khá	
80	21056651	Bùi Ngọc Kim	Ngân	14/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17C	127	7.20	2.89	Khá	
81	21044881	Trần Ngọc Linh	Nhi	23/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17C	127	6.20	2.31	Trung bình	
82	21064151	Lê Khả	Ái	06/06/2003	An Giang	Nữ	DHAV17D	127	7.20	2.89	Khá	
83	21083261	Nguyễn Thị Loan	Anh	24/09/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17D	127	6.20	2.29	Trung bình	
84	21071721	Lương Kiến	Dinh	12/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV17D	127	8.60	3.64	Xuất sắc	
85	21062771	Đặng Thị Ngọc	Hân	06/01/2003	Tây Ninh	Nữ	DHAV17D	127	7.40	3.02	Khá	
86	21063291	Nguyễn Lê Xuân	Lý	01/08/2003	Vĩnh Long	Nữ	DHAV17D	127	7.00	2.74	Khá	
87	21137391	Nguyễn Pi	Pi	27/05/2003	Đồng Nai	Nữ	DHAV17D	127	6.40	2.34	Trung bình	
88	21071631	Trần Ngọc Nhứt	Thương	28/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17D	127	7.40	2.99	Khá	
89	21059601	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	05/06/2003	An Giang	Nữ	DHAV17D	127	7.20	2.88	Khá	
90	21071001	Trần Ngọc Khánh	Vy	23/05/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17D	127	6.70	2.53	Khá	
91	21073621	Võ Thuỳ Yên	Vy	09/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17D	127	7.40	2.99	Khá	
92	21068641	Lương Thị Thanh	Xuân	06/11/2003	An Giang	Nữ	DHAV17D	127	6.80	2.68	Khá	
93	21088521	Trần Thị Thanh	Lan	20/01/2003	Lâm Đồng	Nữ	DHAV17E	127	6.70	2.56	Khá	
94	21095591	Lê Hoài	Ngọc	27/01/2003	Thành phố Hà Nội	Nữ	DHAV17E	127	7.00	2.76	Khá	
95	21109861	Nguyễn Phạm Nguyễn	Hồng	27/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17F	127	8.20	3.45	Giỏi	
96	21098211	Ngô Lâm Bảo	Ngọc	15/06/2003	Cà Mau	Nữ	DHAV17F	127	7.70	3.18	Khá	
97	21097241	Ngô Nguyễn Anh	Thư	23/03/2003	Đồng Tháp	Nữ	DHAV17F	127	7.30	2.87	Khá	
98	21098551	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16/10/2003	Tây Ninh	Nữ	DHAV17F	127	7.70	3.14	Khá	
99	21115891	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	09/11/2002	Vĩnh Long	Nữ	DHAV17G	127	7.50	3.07	Khá	
100	21112991	Hà Lê Quang	Huy	18/02/2003	An Giang	Nam	DHAV17G	127	7.40	3.04	Khá	
101	21121921	Nguyễn Tấn Phương	Huy	12/06/2003	Đồng Tháp	Nam	DHAV17G	127	7.00	2.75	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCT K 10	TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
102	21111981	Đinh Nguyễn Anh	Thư	18/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV17G	127	7.00	2.77	Khá	
103	21118221	Phạm Thúy	Vy	30/11/2003	Lâm Đồng	Nữ	DHAV17G	127	6.90	2.75	Khá	
104	21131461	Trần Ngọc	Dung	16/09/2003	Tây Ninh	Nữ	DHAV17H	127	7.00	2.77	Khá	
105	21123821	Vy Công	Lý	11/10/2003	Đồng Nai	Nam	DHAV17H	127	7.20	2.88	Khá	
106	21130431	Nguyễn Thiên	Phú	31/08/2003	Quảng Ngãi	Nam	DHAV17H	127	8.00	3.36	Giỏi	
107	22640521	Trần Phương Duy	Tiên	22/03/2004	Khánh Hòa	Nữ	DHAV18A	127	8.20	3.44	Giỏi	
108	22653011	Vũ Thị Khánh	Dương	12/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18B	127	7.60	3.08	Khá	
109	22661081	Nguyễn Thùy Yên	Nhi	28/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18C	127	8.40	3.53	Giỏi	
110	22682471	Trương Kiến	Hào	24/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18E	127	7.60	3.07	Khá	
111	22687211	Trần Bảo	Ngọc	15/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHAV18E	127	7.70	3.16	Khá	
112	22709231	Nguyễn Thái Hải	Phú	16/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV18G	127	7.00	2.74	Khá	
113	22732481	Trần Thiên	Long	23/01/2004	Vĩnh Long	Nam	DHAV18I	127	7.60	3.05	Khá	
114	24001961	Nguyễn Quang	Duy	03/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHAV20AVL	49	8.50	3.62	Xuất sắc	

Tổng cộng:

114

TP.HCM, ngày 04 tháng 08 năm 2026



Ban Giám hiệu

(Họ tên và chữ ký)

Phòng Đào tạo

(Họ tên và chữ ký)

Trưởng khoa

(Họ tên và chữ ký)

Người lập biểu

(Họ tên và chữ ký)

PGS.TS. Phan Hồng Hải

ThS. Trần Thị Huệ Chi

TS. Nguyễn Trường Pa

Lê Thị Cẩm Lợi